BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÒE NHAI
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

Số: 477/KH-KSNK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2021

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN NĂM 2021

Thực hiện Thông tư 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ Y tế về Hướng dẫn thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Thực hiện Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT/BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải y tế;

Thực hiện Quyết định 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 của Bộ Y tế về "Thực hiện các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn và tiêm an toàn";

Thực hiện Quyết định 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ Y tế về việc "Phê duyệt Các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh".

Khoa KSNK xây dựng Kế hoạch giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện năm 2021 như sau:

I. MỤC ĐÍCH:

1. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đảm bảo an toàn cho người bệnh và NVYT.
2. Tăng cường hoạt động và hiệu quả công tác kiểm soát nhiễm khuẩn
3. Phát hiện và hạ thấp các nguy cơ gây nhiễm khuẩn bệnh viện, giảm chi phí điều trị, giảm ngày nằm viện của người bệnh.
4. Giảm nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Nội dung giám sát:

1.1. Giám sát tuân thủ vệ sinh tay

Kiểm tra, giám sát để bảo đảm việc tuân thủ các quy định về vệ sinh tay của nhân viên y tế, học viên; Đảm bảo tỉ lệ tuân thủ VST của NVYT đạt > 70%

1.2. Giám sát vệ sinh môi trường:

- Tổ chức thực hiện, kiểm tra vệ sinh môi trường theo đúng quy định, đảm bảo vệ sinh khoa phòng, vệ sinh ngoại cảnh, chất lượng môi trường nước, môi trường bề mặt, môi trường không khí cho từng khu vực theo quy định của Bộ Y tế và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
- Đảm bảo nhà sinh sạch, đủ nước, giấy vệ sinh, nước rửa tay, không có mùi hôi
- Thực hiện diệt chuột, côn trùng định kỳ.

1.3. Giám sát tuân thủ thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn

- Kiểm tra, giám sát tuân thủ các quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn: Tiêm truyền, thay băng, đặc biệt khi thực hiện phẫu thuật, thủ thuật và các kỹ thuật xâm lấn khác đối với nhân viên y tế.

- Kiểm tra việc tuân thủ phòng ngừa chuẩn, phòng ngừa dựa theo đường lây truyền và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh và khách thăm.

1.4. Giám sát quản lý và xử lý thiết bị, dụng cụ y tế và Quản lý hóa chất, vật tư dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn

- Thực hiện quản lý, xử lý dụng cụ y tế tập trung, kiểm soát việc xử lý thiết bị, dụng cụ y tế tái sử dụng bảo đảm an toàn, chất lượng.

- Bảo quản thiết bị, dụng cụ y tế sau xử lý bảo đảm vô khuẩn trước khi sử dụng cho người bệnh.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về quản lý, xử lý thiết bị, dụng cụ y tế tại các khoa, phòng.

1.5. Giám sát quản lý chất thải

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ thực hành quản lý chất thải, bảo đảm chất thải được phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý an toàn theo đúng quy định của pháp luật.

1.6. Giám sát Quản lý và xử lý đồ vải y tế:

- Cung cấp đồ vải cho người bệnh, nhân viên y tế hằng ngày và khi cần.

- Xử lý tại nguồn đồ vải nhiễm khuẩn, đồ vải có máu, dịch tiết sinh học phải được xử lý riêng bảo đảm an toàn.

- Bảo quản đồ vải sau xử lý trong tủ, kệ bảo đảm sạch, vô khuẩn và được vận chuyển riêng bằng phương tiện chuyên dụng.

- Kiểm soát chất lượng và thường xuyên kiểm tra, giám sát, chất lượng xử lý đồ vải của đơn vị được ký hợp đồng xử lý đồ vải.

- Nhân viên quản lý, xử lý đồ vải phải có kiến thức chuyên môn về xử lý đồ vải y tế.

1.7. Giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm: Tổ chức kiểm tra an toàn thực phẩm về vi sinh vật. Giám sát, báo cáo các trường hợp bị nhiễm khuẩn liên quan đến thực phẩm được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

1.8. Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện và các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ gây dịch

- Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện tại các khoa trọng điểm, nhóm người bệnh trọng điểm

- Giám sát, phát hiện, báo cáo và quản lý dữ liệu nhiễm khuẩn bệnh viện, vi khuẩn kháng thuốc kháng sinh, các trường hợp mắc hoặc nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm có nguy cơ gây dịch.

- Thực hiện biện pháp can thiệp kịp thời nhằm làm giảm nhiễm khuẩn bệnh viện và các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ gây dịch, sử dụng kháng sinh hợp lý trên cơ sở kết quả giám sát.

1.9. Giám sát thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong phòng chống dịch bệnh Sar-CoV-2.

- Kiểm tra, giám sát tuân thủ các quy định, các quy trinh kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc, điều trị người bệnh nhiễm hoặc nghi nhiễm Sar- Cov-2: quy trình vệ sinh khử khuẩn bề mặt môi trường khu vực sàng lọc, khu vực cách ly và điều trị người nhiễm hoặc nghi ngờ nhiễm Sar-Cov-2; quy trình xử lý chất thải từ khu khám sàng lọc bệnh nhân Sars-CoV-2; quy trình xử lý đồ vải; quy trình xử lý dụng cụ bệnh nhân nhiễm nghi nghiễm Sars-Cov-2; quy trình khư khuẩn phương tiện vận chuyển người bệnh nhiễm nghi nhiễm Sars-Cov2...

- Kiểm tra việc tuân thủ phòng ngừa chuẩn, phòng ngừa dựa theo đường lây truyền và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh và khách thăm.

2. Công cụ giám sát:

Giám sát dựa trên công cụ có sẵn (Xây dựng câu hỏi, bảng kiểm)

3. Đối tượng giám sát:

Nhân viên y tế, hộ lý, người bệnh và người nhà người bệnh.

4. Thời gian giám sát: Từ tháng 03 đến tháng 12 năm 2021

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các khoa, phòng:

- Kiểm tra, giám sát nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh và khách thăm tại khoa thực hiện các quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn

- Phối hợp với khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn tổ chức giám sát, đánh giá công tác KSNK của khoa, phòng.

2. Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, màng lưới kiểm soát nhiễm khuẩn:

- Tổ chức giám sát, hướng dẫn nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh và khách đến thăm thực hiện các quy định, quy trình liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn.

IV. KẾ HOẠCH GIÁM SÁT CHI TIẾT:

1. Giám sát tuân thủ vệ sinh tay của NVYT:

a) *Giám sát tuân thủ VST của NVYT trong khám và chăm sóc người bệnh:*

- Quan sát mô tả trực tiếp: Người thực hiện quan sát là nhân viên giám sát của khoa KSNK và các điều dưỡng trưởng trong màng lưới KSNK đã được tập huấn về phương pháp giám sát. Dữ liệu được điền vào mẫu đánh giá (tiêu chí kèm theo)

- Thời gian quan sát: 20 – 30 phút đầu giờ sáng và đầu giờ chiều các ngày làm việc. Thời gian quan sát kéo dài cho đến khi thu được cỡ mẫu dự kiến (> 100 cơ hội/tháng)

- Xác định tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế trong tất cả cơ hội tiếp xúc với bệnh nhân mà bắt buộc phải vệ sinh tay (5 thời điểm VST).

- Đánh giá kiến thức VST 01 lần/ năm

- Khoa KSNK tổng hợp báo cáo tỉ lệ tuân thủ VST, thông báo cho các khoa, phòng và phòng Quản lý chất lượng 03 tháng/ lần.

2. Giám sát khác:

STT	Nội dung giám sát	Người thực hiện	Người phối hợp	Thời gian thực hiện	Khu vực giám sát
2.1. Giám sát vệ sinh môi trường, vệ sinh ngoại cảnh, vệ sinh các khoa phòng:					
1	Vệ sinh ngoại cảnh *(Bảng kiểm giám sát)*	ĐD Hiển, Hạnh; HL Minh Hà (Cơ sở 1) HL Thị Hà (cơ sở 2) – Khoa KSNK	ĐDT các khoa, phòng, đơn nguyên	Đầu giờ sáng và chiều tất cả cácngày trong tuần (trừ thứ 7, CN, lễ) và đột xuất khi cần.	Toàn bộ diện tích xung quanh BV
2	Vệ sinh khoa phòng *(Bảng kiểm giám sát)*	ĐD Hiển, Hạnh KSNK	ĐDT, ĐD HL các khoa, phòng,	Tất cả các ngày trong tuần.	Nhà VS, buồng bệnh, giường bệnh, sàn nhà, tường, bàn đêm, cầu thang, thu gom rác…
2.2. Giám sát các quy trình chuyên môn trong chăm sóc người bệnh:					
1	Quy trình tiêm, truyền, thay băng, châm cứu, vệ sinh xe tiêm…	ĐD Hiển, Hạnh - khoa KSNK	Phòng ĐD và ĐDT các khoa, phòng	01 tháng/lần *(Lịch phân công của phòng ĐD)* và đột xuất khi cần.	ĐD các khoa phòng thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh
2	Quy trình xử lý dụng cụ	ĐD Hiển, Hạnh - khoa KSNK	Phòng ĐD và ĐDT các khoa, phòng	01 tháng/lần và đột xuất khi cần.	- Các khoa phòng có xử lý dụng cụ dùng lại
2.3. Giám sát giao nhận, bảo quản đồ vải và thay đồ vải cho người bệnh:					
1	Quy trình giao và nhận ĐV, thay ĐV cho NB	ĐD Hạnh HL Phú – khoa KSNK	ĐDT, HL các khoa, phòng	Hàng ngày	Kho chứa đồ vải các khoa phòng (Số lượng nhận, giao)
2	Cơ số , bảo quản đồ vải, khăn lau	ĐD Hiển, Hạnh; ; HL Phú khoa KSNK	ĐDT, HL các khoa, phòng	03 tháng/lần và đột xuất khi cần	- Các khoa phòng có sử dụng đồ vải
2.4. Giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm:					
1	Vệ sinh bàn ghế, đồ dùng nấu ăn…	ĐD, Hạnh - khoa KSNK	Khoa dinh dưỡng	01 tháng/lần và đột xuất khi cần.	Nhà ăn bệnh viện

2	Thực phẩm nấu ăn, nước uống…	CN Nhíp – Khoa dinh dưỡng	Hạnh khoa KSNK	01 tháng/lần và đột xuất khi cần.	Thực phẩm sử dụng tại nhà ăn BV
2.5. Giám sát quản lý phân loại, thu gom chất thải y tế đúng quy định:					
1	Phân loại, thu gom chất thải tại nơi phát sinh	Phòng ĐD Khoa KSNK	ĐDT, Tổ trưởng các khoa, phòng	01 tháng/lần và đột xuất khi cần.	Các khoa phòng trong BV
2	Bàn giao chất thải cho khoa KSNK	ĐDT, TT các khoa, phòng	ĐD Hiển, khoa KSNK	01 tháng/lần và đột xuất khi cần.	Sổ giao nhận chất thải của HL các khoa, phòng
3	Bàn giao chất thải cho Công ty MT URENCO 13	ĐD Hiển, Hạnh; HL Hiền Khoa KSNK		01 tháng/lần và đột xuất khi cần.	Sổ giao nhận chất thải khoa KSNK
2.6. Giám sát NK BV tại khoa trọng điểm, nhóm người bệnh trọng điểm:					
1	- Giám sát NB đặt catheter trung tâm - Các can thiệp thủ thuật xâm lấn trên bệnh nhân: thông tiểu, đặt sonde dạ dày.. - Giám sát NB có viêm phổi BV (thở máy, đặt nội khí quản - nếu có)	ĐD Hiển, Hạnh; khoa KSNK	ĐDT khoa và các BS khoa lâm sàng	1 tuần/ lần	- NB Khoa lâm sàng: Nội, Ngoại, Thẩm mỹ, Thận, Cấp cứu, Đơn nguyên HSCC.
2	Giám sát người bệnh có phẫu thuật	ĐD Hiển, Hạnh khoa KSNK	CN Nụ, Tuyến và các BS khoa Ngoại, Gây mê, Thẩm mỹ	1 tuần/ lần	Khoa Ngoại; Gây mê - Hồi sức, Phẫu thuật Thẩm mỹ.
2.7. Giám sát thực hiện các quy trình KSNK trong phòng chống dịch bệnh Sar-CoV-2.					
	Giám sát thực hiện các quy trình KSNK trong phòng chống dịch bệnh Sar-CoV-2.	Tổ giám sát công tác kiểm soát nhiễm khuẩn	Đ D phụ trách Đơn vị phòng chống dịch; tổ sàng lọc, tiếp đón; tổ lái xe.	Tuần 1 lần và đột xuất khi cần	Đơn vị phòng chống dịch; tổ sàng lọc, tiếp đón; tổ lái xe; khoa chẩn đoán hình ảnh

Trên đây là Kế hoạch giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện năm 2021, yêu cầu các khoa, phòng nghiêm túc triển khai, phối hợp với khoa KSNK thực hiện các nội dung của kế hoạch./.

Nơi nhận:
- Ban Giám đốc: (để báo cáo);
- Các khoa phòng: (để thực hiện);
- Lưu VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÒE NHAI

Nguyễn Đức Long

Phiếu số 1:

BỆNH VIỆN ĐK HÒE NHAI
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

BIỂU MẪU GIÁM SÁT
PHIẾU GIÁM SÁT TUÂN THỦ VỆ SINH TAY

Khoa/phòng :.....

Tên giám sát viên:..... Ngày/tháng/năm: ...../...../.....

Buổi giám sát số: ..... Giờ bắt đầu:..... Giờ kết thúc: .....

Nghề nghiệp: Số lượng NVYT :		
Cơ hội	**Chỉ định**	**Hành động**
1	☐T- BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S- BN ☐S-XQ BN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
2	☐T- BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S- BN ☐S-XQ BN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
3	☐T- BN ☐T-VK ☐S-	☐ C ☐ N ☐ K

Nghề nghiệp: Số lượng NVYT :		
Cơ hội	**Chỉ định**	**Hành động**
1	☐T-BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQ BN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
2	☐T-BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
3	☐T-BN ☐T-	☐ C ☐ N ☐ K

Nghề nghiệp: Số lượng NVYT :		
Cơ hội	**Chỉ định**	**Hành động**
1	☐T- BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S- BN ☐S-XQ BN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
2	☐T- BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S- BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
3	☐T- BN ☐T-VK ☐S-	☐ C ☐ N ☐ K

Nghề nghiệp: Số lượng NVYT :		
Cơ hội	**Chỉ định**	**Hành động**
1	☐T-BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQ BN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
2	☐T-BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQ BN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
3	☐T-BN ☐T-	☐ C ☐ N ☐ K

	DCT ☐S- BN ☐S-XQBN	○ G ○ Đ ○ S
4	☐T- BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S- BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
5	☐T- BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S- BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
6	☐T- BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S- BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S

	VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQBN	○ G ○ Đ ○ S
4	☐T-BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
5	☐T-BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
6	☐T-BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S

	DCT ☐S- BN ☐S-XQBN	○ G ○ Đ ○ S
4	☐T- BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S- BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
5	☐T- BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S- BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
6	☐T- BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S- BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S

	VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQBN	○ G ○ Đ ○ S
4	☐T-BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
5	☐T-BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S
6	☐T-BN ☐T-VK ☐S-DCT ☐S-BN ☐S-XQBN	☐ C ☐ N ☐ K ○ G ○ Đ ○ S

Các chữ viết tắt: T- BN: Trước khi động chạm BN; T-VK: Trước khi thực hiện thủ thuật sạch/ vô khuẩn; S-DCT: Sau khi có nguy cơ tiếp xúc dịch cơ thể; S- BN: Sau khi động chạm BN; S-XQ BN: Sau khi động chạm bề mặt xung quanh BN.
C: Khử khuẩn tay bằng cồn, N: Rửa tay bằng nước và xà phòng hoặc dung dịch khử khuẩn, K: Không rửa tay

G: Có sử dụng găng, Đ: Sử dụng găng đúng chỉ định, S: Sử dụng găng không đúng chỉ định hoặc không thay găng khi cần

Hướng dẫn chung

1. Giám sát viên thông báo lý do có mặt của mình tới nhân viên y tế và bệnh nhân được giám sát.
2. Giám sát viên có thể quan sát đồng thời 3 nhân viên y tế nếu tần xuất cơ hội VST cho phép (tần xuất này được tính bằng số cơ hội cần VST trung bình/giờ).
3. Giám sát viên có thể quan sát những nhân viên y tế tiếp theo có mặt trong buổi giám sát.
4. Lựa chọn vị trí quan sát phù hợp để không gây ảnh hưởng tới các hoạt động chăm sóc, điều trị của nhân viên y tế, giám sát viên có thể di chuyển theo sau nhân viên y tế nhưng không được gây cản trở công việc của họ. Kết quả quan sát có thể được phản hồi tới nhân viên y tế sau buổi giám sát.

Hướng dẫn cách điền phiếu

5. Sử dụng bút chì để điền phiếu và dùng tẩy để chữa sai sót. Phiếu giám sát được kẹp vào file/bìa cứng trong buổi giám sát để có thể ghi chép dễ dàng.
6. Điền toàn bộ thông tin chi tiết vào phần trên của phiếu (ngoại trừ thời gian kết thúc và toàn bộ thời gian buổi giám sát).
7. Ngay khi tính cơ hội đầu tiên cho VST, điền thông tin thích hợp (chỉ định, cơ hội có VST) vào những ô "cơ hội cần VST" đầu tiên được đánh số. Thông tin được điền trong các ô này theo trình tự từ trên xuống dưới. Điền các thông tin vào cột tương ứng với nghề nghiệp của nhân viên y tế được quan sát.
8. Mỗi cơ hội VST liên quan tới một dòng trong mỗi cột chỉ định vệ sinh tay; mỗi dòng độc lập giữa các cột khác nhau.
9. Điền dấu (x) vào ô vuông nhỏ hoặc vòng tròn để lựa chọn tình huống đúng. Với những tình huống có ô vuông, có thể lựa chọn nhiều tình huống. Với tình huống có vòng tròn, chỉ được lựa chọn một tình huống duy nhất.
10. Trong trường hợp một cơ hội VST thuộc nhiều chỉ định khác nhau, điền dấu (x) vào ô vuông tương ứng với mỗi chỉ định.
11. Mỗi cơ hội cần VST được đánh giá có hoặc không thực hiện VST.
12. Điền thời gian kết thúc để tính thời gian của buổi giám sát và kiểm tra dữ liệu trước khi điền phiếu mới.

BỆNH VIỆN ĐK HÒE NHAI
KHOA KSNK

Khoa:.....

PHIẾU GIÁM SÁT NGANG NHIỄM KHUẨN

BỆNH VIỆN

(Điền thông tin vào chỗ trống hoặc tích dấu X vào ô trống)

I. Thông tin chung

Ngày vào khoa:.../..../202... Ngày vào viện:..../..../20.. ..Ngày điều tra:..../...../202

Họ tên NB:..... Mã bệnh án.....

Giới: □ Nam □ Nữ Tuổi ..... Nơi chuyển tới:.....

Chẩn đoán lúc vào: .....

Chẩn đoán xác định:.....

Nhiễm khuẩn lúc vào: □ Có □ Không

Nếu có: loại NK: □Viêm phổi □Tiết niệu □NKH □Vết mổ □Da,niêm mạc □Khác, ghi rõ.....

II. NKBV: □ Có □ Không

Loại nhiễm khuẩn	**Ngày xuất hiện và triệu chứng chỉ điểm đầu tiên**

III. Xét nghiệm vi sinh chẩn đoán NKBV: □ Có □ Không nếu có:

Tên xét nghiệm	**Ngày xét nghiệm**	**Kết quả**	**Tên VSV**

Kết quả kháng sinh đồ: □ Có □ Không, nếu có photo lại KSĐ

IV. Các thuốc/sinh phẩm sử dụng trong quá trình điều trị tại khoa

(NB NKBV: ***Thuốc sử dụng trong vòng 7 ngày trước ngày phát hiện NKBV;***

4.1. Thuốc ƯCMD non-steroid □ Có □ Không	4.2. Điều trị hóa học □ Có □ Không
4.3. Steroid □ Có □ Không	4.4. Điều trị tia xạ □ Có □ Không
4.5. Thuốc điều trị loét dạ dầy □ Có □ Không	4.6. Truyền máu □ Có □ Không

NB không NKBV: ***Thuốc sử dụng trong vòng 7 ngày trước ngày điều tra)***

4.7. Khác (ghi rõ):

.....

V. Bệnh kèm theo

5.1. Hô hấp mạn tính□ Có □ Không	5.2. Gan mạn tính □ Có □ Không
5.3. Tim mạch □ Có □ Không	5.4. HIV/AIDS □ Có □ Không
5.5. Ung thư □ Có □ Không	5.6. Tiểu đường □ Có □ Không
5.7. Thận mãn tính □ Có □ Không	5.8. Đa chấn thương □ Có □ Không
5.9. Bỏng □ Có □ Không	5.10. Cao huyết áp □ Có □ Không

5.11. Khác (ghi rõ):.....

VI. Thủ thuật can thiệp (NB NKBV: *Thủ thuật thực hiện trong vòng 7 ngày trước ngày phát hiện NKBV;* NB không NKBV: *Thủ thuật thực hiện trong vòng 7 ngày trước ngày điều tra*)

			Ngày bắt đầu	**Ngày kết thúc**
6.1. Thở máy xâm nhập	□ Có	□ Không	.....	
6.2. Đặt nội khí quản	□ Có	□ Không	.....	
6.3. Mở khí quản	□ Có	□ Không	.....	
6.4. Đặt ống thông tiểu	□ Có	□ Không	.....	
6.5. Đặt ống thông TMTT	□ Có	□ Không	.....	
6.6. Đường truyền TMNV	□ Có	□ Không	.....	
6.7. Đặt ống thông dạ dày	□ Có	□ Không	.....	
6.8. Khác (ghi tên):			.....	

VII. Phẫu thuật (PT): □ Có □ Không, nếu có, ghi rõ các thông tin liên quan:

7.1. Vị trí PT: ..... 7.2. Ngày phẫu thuật: ...../...../.....

7.3. Loại PT:□Cấp cứu □ Có chuẩn bị

7.4. Cấy ghép/Implant:□ Có □ Không 7.6.PT nội soi: □ Có □ Không

7.7. Thời gian PT: ..... phút 7.8. Điểm ASA: □ 1 □ 2 □ 3 □ 4 □ 5

7.9. Loại vết mổ: □ Sạch □ Sạch nhiễm □ Nhiễm □ Bẩn

7.10. Gây mê: □ Có □ Không 7.11. Gây tê: □ Có □ Không

7.12 KS trước PT □ Có □ Không Nếu có, ghi rõ thông tin KS đã sử dụng:

Tên kháng sinh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Liều/đường dùng

** Ngày bắt đầu: là liều KS đầu tiên sau nhập viện chờ PT;Ngày kết thúc: là liều >1h trước PT*

7.13. KS dự phòng (***KS sử dụng trong vòng 1 giờ trước rạch da và trong thời gian phẫu thuật***):

□ Có □ Không, Nếu có, ghi rõ thông tin KS đã sử dụng:

Tên kháng sinh	Liều 1 bắt đầu*	Liều 2 (nếu có)*	Liều/đường dùng

** Chỉ ghi liều 1 nếu sử dụng trong vòng 1h trước rạch da và Liều 2 nếu sử dụng thêm trong PT.*

7.14. KS sau PT □ Có □Không Nếu có, ghi rõ thông tin KS đã sử dụng:

Tên kháng sinh	Ngày bắt đầu*	Ngày kết thúc*	Liều/đường dùng

** Ngày bắt đầu tính từ liều KS sau PT; Ngày kết thúc là ngày điều tra.*

7.15. Dẫn lưu: □ Có □ Không, Nếu có, ghi rõ thông tin liên quan:

7.15.1.□ Tại VM □ Có □ Không 7.14.2. □ Ngoài VM □ Có □ Không

7.15.2. Dẫn lưu kín □ Có □ Không 7.14.4 Số ngày đặt dẫn lưu:..... ngày

7.16. NKVM: □ Có □ Không, Nếu có, ghi rõ thông tin liên quan:

7.16.1. Loại NKVM: □ Nông □ Sâu □ Khoang cơ thể

7.16.2. Biểu hiện tại vết mổ:

a. Sốt ≥ 38°C: □ Có □ Không f. Sưng: □ Có □ Không

b. Đỏ: □ Có □ Không g. Đau: □ Có □ Không

c. Phẫu thuật lại: □ Có □ Không h. Toác VM tự nhiên: □ Có □ Không

d. Dịch vết mổ: □ Có □ Không i. Chủ động mở VM: □ Có □ Không

e. Chảy mủ tại vết mổ/qua dẫn lưu: □ Có □ Không

f. *Triệu chứng chỉ điểm và ngày xuất hiện đầu tiên:*

……

VIII. Kháng sinh sử dụng ở người bệnh không PT: □ Có □ Không,

Nếu có:

Tên kháng sinh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Liều/đường dùng
1.			
2.			
3.			
4.			
5.			

Mục đích sử dụng KS: □ Điều trị NK □ Phòng ngừa NK □ Không xác định

IX. Kết quả điều trị: □ Ra viện □ Chuyển viện/khoa □ Xin về □ Tử vong □ Đang nằm viện

X. Nằm viện: □ NB nằm viện nội trú hoàn toàn □ NB về nhà trong thời gian nằm viện

Ghi chú: ***Ngày kết thúc của các thủ thuật và sử dụng KS được tính đến ngày điều tra***

Bác sỹ điều trị
(ký tên)

Điều tra viên
(ký tên)

Phiếu số 3

BỆNH VIỆN ĐK HÒE NHAI
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

BIÊN BẢN KIỂM TRA
CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN TẠI CÁC KHOA

Tên khoa, phòng được kiểm tra:.....
Ngày kiểm tra:.....
Thành viên đoàn kiểm tra:.....
.....
.....
Đại diện đơn vị được kiểm tra:.....
.....
.....

I. Thông tin chung:

Số giường chỉ tiêu:..... Số giường thực kê.....
Tổng số người bệnh hiện có.....
Tổng số nhân lực:
BS.....ĐD.....HL.....

Hướng dẫn chấm điểm:

Thực hiện đầy đủ: Đạt điểm chuẩn
Thực hiện chưa đầy đủ: Đạt ½ điểm chuẩn
Chưa thực hiện: Không điểm

II. Nội dung kiểm tra:

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm đạt	Ghi chú
1	Khoa, phòng: sạch không có bụi, mạng nhện, không rêu mốc.;Sàn nhà sạch, khô, không trơn trượt; Cửa ra vào, cửa sổ, cửa kính sạch; quạt, thiết bị chăm sóc sạch.	5		
2	Đồ đạc trong khoa, buồng bệnh được xếp gọn gàng.	4		
3	Tủ đầu giường, giường bệnh sạch, chăn màn gọn và sạch sẽ, đệm giường có vỏ bọc, không rách, đệm không ngấm nước.	5		
4	Nhà tắm sạch, đủ nước, đủ ánh sáng, không có mùi hôi, rêu rác. Các dụng cụ chứa nước sạch có nắp đậy.	4		
5	Nhà vệ sinh sạch, không hôi, có đồ lau rửa nhà vệ sinh riêng, có đủ nước sử dụng (*Đảm bảo tối thiểu 12 giường bệnh có 1 nhà vệ sinh được bố trí thuận tiện)*	5		
6	Nhà vệ sinh mở cửa 24 giờ, có nhà vệ sinh nam, nữ riêng.	4		
7	Nơi rửa tay thuận tiện, có bảng hướng dẫn quy trình rửa tay, nước sạch, xà phòng, khăn lau tay sạch (*Đủ phương tiện rửa tay thường quy, sát khuẩn tay bằng dung dịch chứa cồn tại các khu vực làm chuyên môn kỹ thuật)*	5		
8	NVYT tuân thủ vệ sinh tay thường quy theo quy định của Bộ Y tế (*Quan sát NVYT tuân thủ VST và rửa tay đúng kỹ*	4		

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm đạt	Ghi chú
	thuật).			
9	Phân loại các chất thải rắn y tế tại khoa, phòng: chất thải thông thường, chất thải lây nhiễm, chất thải giải phẫu, vật sắc nhọn; chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm được phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định (*theo QĐ số 43/2007 – BYT và TTLT số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT*)	5		
10	Thùng rác*(có biểu tượng)* có túi nilon lót thùng; thùng rác sạch, không để rác tràn ra ngoài, để nơi tiện sử dụng.	2		
11	Hộp chứa vật sắc nhọn có sẵn trên xe tiêm hoặc đặt nơi thuận tiện. Hộp đảm bảo cứng không bị chọc thủng.	4		
12	Vật sắc nhọn được bỏ vào thùng/ hộp có thành cứng ngay sau khi đã sử dụng.	2		
13	Sử dụng màu sắc túi đựng chất thải lây nhiễm, sinh hoạt, tái chế… theo đúng quy định.	2		
14	Tuân thủ các nguyên tắc vô khuẩn và phòng ngừa lây chéo trong việc thực hiện các quy trình kỹ thuật bệnh viện, quy trình chăm sóc. (*quan sát 2 – 3 ĐD và xem quy trình thực tế)*	4		
15	Các dụng cụ như dây máy thở, bình làm ẩm ô xy, dây máy hút, bình đựng dung dịch sát khuẩn….phải được vệ sinh và xử lý đúng quy định.	4		
16	Dụng cụ dùng lại được khử khuẩn, cọ rửa, tiệt khuẩn theo qui định. Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn phải có chỉ thị màu ghi rõ ngày tiệt khuẩn, sử dụng và bảo quản đúng qui định (*niêm phong và không kênh hở - quan sát thực tế hoặc hỏi nhân viên thực hiện qui trình)*	5		
17	Không để lẫn dụng cụ sạch và vô khuẩn.	2		
18	Người bệnh được dùng dụng cụ vô khuẩn riêng (*bơm tiêm, kim châm cứu, ống hút….)*	4		
19	Có định kỳ cấy khuẩn vi khuẩn dụng cụ, bàn tay (buồng mổ)…, và có sổ lưu kết quả định kỳ, biện pháp khắc phục khi có nhiễm khuẩn.	4		
20	Có đủ găng sạch và găng tiệt khuẩn để sử dụng. Nhân viên sử dụng găng đúng qui định.*(Quan sát thực tế)*	4		
21	Có hóa chất khử khuẩn và được sử dụng, bảo quản theo qui định.	2		
22	Có lịch thay đồ vải định kỳ và khi cần.	2		
23	Không có đồ vải, quần áo rách thủng, đứt khuy.	4		
24	Có quy định nơi để đồ sạch và đồ bẩn riêng. Đồ vải bẩn được thu về và để trong các túi, thùng hoặc xe đẩy.	2		
25	Nơi cọ rửa, xử lý đồ bẩn - sạch không rơi vãi chất tiết, đất, rác trên sàn.	4		
26	Bô, bình chứa nước tiểu và các chất tiết được khử khuẩn sạch và úp hoặc treo trên giá.	4		

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm đạt	Ghi chú
27	Có lưu công văn, hướng dẫn quy trình, quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn và các tiêu chí kiểm tra do cấp trên ban hành	2		
28	Trong giờ làm việc nhân viên y tế mặc trang phục theo đúng qui định.	2		
Tổng cộng		**100**		

Nhận xét và kết luận của đoàn kiểm tra:

1/ Những ưu điểm chính: ……

……

……

……

……

2/ Những tồn tại chính:

……

……

……

……

……

……

3/ Những kiến nghị của đoàn kiểm tra (theo thứ tự ưu tiên):

……

……

……

……

……

……

4/ Những kiến nghị của khoa được kiểm tra:

……

……

……

……

……

……

5/ Phân loại:

*** Tốt: ≥ 90 điểm** *** Khá: ≥ 70 - 89 điểm**

*** Trung bình: ≥ 50 - 69 điểm** *** Yếu: < 50 điểm**

Xác nhận của khoa, phòng được kiểm tra **TM. Đoàn kiểm tra**

Phiếu số 4

BỆNH VIỆN ĐK HÒE NHAI
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

BIÊN BẢN KIỂM TRA
KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN TẠI KHOA DINH DƯỠNG

Khoa, phòng: .....
Ngày kiểm tra: .....
Số suất ăn trung bình/ ngày: .....
Tổng số nhân lực:..... Trong đó: BS.....; NV nấu ăn ....,
Khác.....
Thành viên trong đoàn kiểm tra:
.....
.....

TT	Nội dung	Điểm			
		Điểm chuẩn	Thực hiện tốt, đạt điểm chuẩn	Chưa đầy đủ, đạt ½ điểm chuẩn	Chưa thực hiện, không cho điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Có bồn rửa tay, xà bông và khăn khô, sạch để lau tay sau khi rửa tay	4			
2	Có khăn sạch để lau sạch và khô bề mặt và dụng cụ nhà bếp	3			
3	Dụng cụ vệ sinh nhà bếp được để riêng với các dụng cụ vệ sinh khác (tải lau, bàn chải….)	3			
4	Thực phẩm đang dùng được bảo quản trong các tủ/ kho chống côn trùng (sữa, bột ngũ cốc….)	4			
5	Thức ăn để trong tủ lạnh còn hạn dùng và không bị ôi thiu	3			
6	Tủ lạnh chỉ dùng riêng cho chứa thực phẩm	3			
7	Sữa được cất giữ trong điều kiện lạnh	3			
8	Nhân viên nhà ăn được kiểm tra sức khỏe định kỳ	3			
9	Nhân viên rửa tay, mang khẩu trang và tạp dề khi pha chế và phân phối thức ăn	3			
10	Thức ăn chín được che đậy kín tránh côn trùng	3			
11	Đồ dùng nhà bếp thích hợp cho việc chế biến, bảo quản, vận chuyển và chia khẩu phần ăn	3			

TT	Nội dung	Điểm			
		Điểm chuẩn	Thực hiện tốt, đạt điểm chuẩn	Chưa đầy đủ, đạt ½ điểm chuẩn	Chưa thực hiện, không cho điểm
12	Nhà bếp được đảm bảo an toàn không có côn trùng xâm nhập (ruồi, gián, chuột….)	3			
13	Nhà bếp được thiết kế một chiều	3			
14	Nhà bếp có chia vùng làm việc (nơi để thực phẩm sống chưa chế biến, thực phẩm chín….)	3			
15	Thức ăn được lưu giữ hàng ngày trong tủ lạnh *(Đầy đủ các món trong mỗi bữa ăn)* đúng quy định	3			
16	Nhân viên mặc đồng phục gọn gàng? (y phục, tóc, móng tay cắt ngắn….)	3			
Tổng số		**50**			

NHẬN XÉT CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....
.....
.....
.....
.....
.....

KIẾN NGHỊ CỦA KHOA

.....
.....
.....
.....

PHÂN LOẠI:

Tốt ≥ **45 điểm** ☐ **Khá** ≥ **40 - 44 điểm** ☐
Trung bình ≥ **35 - 39 điểm** ☐ **Yếu** ≤ **34 điểm** ☐

XÁC NHẬN CỦA KHOA
(Ký tên)

NGƯỜI GIÁM SÁT
(Ký tên)

Phiếu số 5

BỆNH VIỆN ĐK HÒE NHAI
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

BIÊN BẢN KIỂM TRA
KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN TẠI KHOA PHẪU THUẬT

Khoa, phòng: .....

Ngày kiểm tra: .....

Số ca phẫu thuật trung bình/ ngày: .....

Tổng số nhân lực:... Trong đó: BS ....., ĐD/NHS ....., Hộ lý ....., Khác .....

Thành viên trong đoàn kiểm tra:

.....

.....

.....

STT	Nội dung	Điểm			
		Điểm chuẩn	Thực hiện tốt, đạt điểm chuẩn	Chưa đầy đủ, đạt ½ điểm chuẩn	Chưa thực hiện, không cho điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thiết lập khu vực giới hạn trong khoa phẫu thuật (vô khuẩn, sạch, bẩn)	2			
2	Mọi người khi vào khoa phẫu thuật phải thay trang phục theo qui định của khoa. Không mặc áo phẫu thật chùm lên áo cá nhân	3			
3	Có nơi thay dép. Dép đi trong khoa phẫu thuật phải cọ rửa hàng ngày và không đi ra ngoài	3			
4	Khẩu trang mang trong khu vực vô khuẩn phải che kín miệng và mũi. Đội mũ phải che kín tóc	2			
5	Nhân viên không sơn và không để móng tay dài. Không đeo nữ trang trong khi làm việc trong phòng mổ	5			

STT	Nội dung	Điểm			
		Điểm chuẩn	Thực hiện tốt, đạt điểm chuẩn	Chưa đầy đủ, đạt ½ điểm chuẩn	Chưa thực hiện, không cho điểm
6	Nhân viên khi ra khỏi khoa phải thay đổi toàn bộ trang phục	2			
7	Hệ thống rửa tay sạch và có đủ phương tiện cần thiết (nước khử trùng, dung dịch rửa tay, bàn chải vô khuẩn…)	3			
8	Tuân thủ qui trình rửa tay ngoại khoa đối với phẫu thuật viên và điều dưỡng vòng trong.	3			
9	Y dụng cụ tiệt khuẩn còn hạn dùng, bao gói nguyên vẹn và có tủ sạch để bảo quản.	2			
10	Dụng cụ dùng lại phải xử lý đúng qui trình (khử khuẩn, cọ rửa sạch và tiệt khuẩn…)	3			
11	Bàn phẫu thuật được khử khuẩn trước khi mổ và ngay sau mỗi ca mổ. Không có bụi hoặc gỉ cặn	2			
12	Tường phòng mổ được lát gạch men tới trần	2			
13	Khăn ga trải bàn phẫu thuật sạch và nguyên vẹn.	2			
14	Vệ sinh phòng mổ sau mỗi ngày và tổng vệ sinh hàng tuần	2			
15	Tải, thùng xô vệ sinh luôn sạch và được cất giữ đúng nơi qui định	3			
16	Có nơi cọ rửa, khử khuẩn và xử lý dụng cụ riêng. Nơi cọ rửa sạch, không rơi vãi chất bẩn, khô và dụng cụ sắp xếp ngăn nắp	3			
17	Các thùng đựng rác sạch, có nắp đậy. Chất thải được phân loại, cô lập và vận chuyển ra khỏi khoa phẫu thuật đúng qui định	3			
18	Hệ thống thông khí được tu sửa thường kỳ và hoạt động có hiệu quả	2			

STT	Nội dung	Điểm			
		Điểm chuẩn	Thực hiện tốt, đạt điểm chuẩn	Chưa đầy đủ, đạt ½ điểm chuẩn	Chưa thực hiện, không cho điểm
19	Có kiểm tra vi sinh không khí phòng mổ, y dụng cụ, tay nhân viên định kỳ đúng quy định.	2			
20	Kết quả nuôi cấy vi sinh đạt tiêu chuẩn về KSNK và có lưu kết quả.	2			
21	Bệnh nhân trước phẫu thuật được tắm, gội đầu, cắt ngắn móng tay, chân và thay toàn bộ quần áo, tất, chăn... của khoa phẫu thuật.	2			
Tổng số		**50**			

NHẬN XÉT CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....
.....
.....
.....
.....
.....

KIẾN NGHỊ CỦA KHOA

.....
.....
.....
.....
.....

PHÂN LOẠI:

Tốt **≥ 45 điểm** ☐ **Khá ≥ 40 - 44 điểm** ☐
Trung bình **≥ 35 - 39 điểm** ☐ **Yếu ≤ 34 điểm** ☐

XÁC NHẬN CỦA KHOA
(Ký tên)

NGƯỜI GIÁM SÁT
(Ký tên)

Phiếu số 6

BỆNH VIỆN ĐK HÒE NHAI
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

BIÊN BẢN GIÁM SÁT QUẢN LÝ ĐỒ VẢI CÁC KHOA, PHÒNG

Khoa, phòng: .....
Ngày kiểm tra: .....
Số lượng đồ vải giặt trung bình/ ngày.....
Tổng số nhân lực:.....Trong đó: BS ....., ĐD/NHS ....., Hộ lý ....., Khác .....
Thành viên trong đoàn kiểm tra:
.....
.....

TT	Nội dung	Điểm			
		Điểm chuẩn	Thực hiện tốt đạt điểm chuẩn	Chưa đầy đủ, đạt ½ điểm chuẩn	Chưa thực hiện, không cho điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.Tại khoa, phòng:					
1	Có giá, tủ để đựng và bảo quản đồ vải sạch	5			
2	Người bệnh được cung ứng đồ vải (ĐV) đầy đủ khi vào viện *(có sổ ký nhận)*	5			
3	Đồ vải được bảo quản sạch, không có mùi hôi	5			
4	Người bệnh được thay ĐV đúng quy định *(theo lịch các khoa)*	5			
5	Thu gom ĐV đúng quy định: có túi/ thùng thu gom ĐV bẩn riêng *(ĐV nhiễm khuẩn, dính máu, dịch phải được thu gom vào túi ni lông màu vàng)*	5			
6	Người bệnh mặc trang phục BV theo quy định	5			
7	Người bệnh được xác nhận đã trả đủ (thiếu) ĐV khi ra viện *(có sổ ký nhận).*	5			
8	Nhận và bàn giao ĐV đầy đủ *(Số lượng, chất lượng)* với khoa KSNK	5			
2. Tổ giặt là – khoa KSNK:					

TT	Nội dung	Điểm			
		Điểm chuẩn	Thực hiện tốt đạt điểm chuẩn	Chưa đầy đủ, đạt ½ điểm chuẩn	Chưa thực hiện, không cho điểm
9	Có phương tiện thu gom đồ vải bẩn từ các khoa thích hợp (xe đẩy, túi đựng…)	5			
10	Sổ giao nhận ĐV các khoa được ký gia và nhận đầy đủ đúng quy định	5			
11	Nơi để đồ vải bẩn riêng biệt và cách xa nơi để đồ vải đã giặt sạch.	5			
12	Đồ vải có nguy cơ lây nhiễm được khử khuẩn trước khi giặt và được giặt riêng	5			
13	Có đủ hóa chất, xà phòng để khử khuẩn và giặt đồ vải.	5			
14	Sàn nhà sạch, không có chất thải y tế rơi vãi. Máy giặt, bồn ngâm được lau chùi hàng ngày.	5			
15	Nhân viên mang đủ trang bị bảo hộ trong khi giặt (găng bảo hộ, ủng, khẩu trang…)	5			
16	Có nơi rửa tay cho nhân viên khi tiếp xúc với đồ vải bẩn, nhân viên VST đúng quy định.	5			
17	Có phân chia vùng sạch, vùng bẩn riêng biệt.	5			
18	ĐV cấp phát cho các khoa đảm bảo sạch, không rách, tuột khuy, chun…	5			
19	Có giá, tủ để đựng và bảo quản đồ vải sạch	5			
20	Nhân viên được phổ biến về các qui định KSNK và phòng bệnh lây nghề nghiệp.	5			
Tổng số		**100**			

NHẬN XÉT CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

……

……

……

……

.....
.....
.....
.....

KIẾN NGHỊ CỦA KHOA

.....
.....
.....
.....
.....

PHÂN LOẠI:

* **Tốt: ≥ 90 điểm**
* **Khá: ≥ 70 - 89 điểm**
* **Trung bình: ≥ 50 - 69 điểm**
* **Yếu: < 50 điểm**

XÁC NHẬN CỦA KHOA
(Ký tên)

NGƯỜI GIÁM SÁT
(Ký tên)

BỆNH VIỆN ĐK HÒE NHAI
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

GIÁM SÁT THỰC HÀNH PHÒNG VIÊM PHỔI BỆNH VIỆN

Khoa:.....
Ngày đánh giá:..../...../.....
Người đánh giá:.....

TT	Chăm sóc ống ăn	Có	Không
1.	Thức ăn được dự trữ đúng (theo khuyến cáo nhà sản xuất)		
2.	Rửa tay trước khi chuẩn bị thức ăn hoặc thao tác với ống ăn		
3.	Ống ăn được tráng bằng nước vô khuẩn		
4.	Dùng 30 ml nước chín trước và sau khi cho thuốc		
5.	Sử dụng ống bơm sạch mỗi lần rút dịch		
6.	Thức ăn đã chế biến được cho ăn trong vòng 4 giờ		
7.	Thường xuyên kiểm tra vị trí ống ăn		
8.	Rút dịch tồn lưu trước khi cho ăn qua ống		
9.	Thường xuyên kiểm tra vòng bụng, thể tích dịch		
10.	Người bệnh được nằm đầu cao nếu không có chống chỉ định		
11.	Rửa tay khi chăm sóc ống nội khí quản		
12.	Bơm bóng chèn sau khi đặt ống		
13.	Sử dụng nước vô khuẩn khi làm loãng đờm trong ống		
14.	Chăm sóc răng miệng bằng bàn chải		
15.	Sử dụng găng vô khuẩn, rửa tay khi hút đàm		
16.	Kiểm tra thuờng xuyên để quyết định có thể rút ống NKQ sớm		
17.	Hút sạch đờm ở vùng hầu họng trước khi xả bóng chèn để rút NKQ		
18.	Không có nước khi không sử dụng		
19.	Dùng nước vô khuẩn để cho vào bình		
20.	Không có bụi bám trên bình xy		
21.	Rửa tay khi chăm sóc dây máy thở		
22.	Đổ bỏ nước đọng trong dây máy thở, bẫy nước		

TT	Chăm sóc ống ăn	Có	Không
23.	Bô phận mũi nhân tạo, lọc không bị ẩm nước		
24.	Thay dây mỗi 48 giờ		
25.	Thay dây khi dùng cho người bệnh khác		
26.	Khử khuẩn mức độ cao toàn bộ hệ thống dây máy thở		
27.	Dây máy thở phải để ở vị trí thấp hơn phần trên của ống nội khí quản.		
28.	Cho nước vô khuẩn vào bình làm ẩm		

Đại diện khoa **Người giám sát**

BỆNH VIỆN ĐK HÒE NHAI
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

GIÁM SÁT THỰC HÀNH ĐẶT CATHETER TRONG LÒNG MẠCH

Khoa:.....

Ngày đánh giá:..../...../.....

Người đánh giá:.....

TT	Các bước thực hành	Có	Không
1	Điều dưỡng rửa tay thường quy/sát khuẩn tay nhanh đúng thời điểm, đúng kỹ thuật		
2	Thực hiện 5 đúng Nhận định người bệnh, giải thích cho người bệnh biết việc sắp làm		
3	Kiểm tra lại thuốc, sát khuẩn ống thuốc, dùng gạc vô khuẩn bẻ ống thuốc		
4	Xé vỏ bao bơm tiêm và thay kim lấy thuốc		
5	Rút thuốc vào bơm tiêm		
6	Thay kim tiêm, đuổi khí, cho vào bao đựng bơm tiêm vô khuẩn (vừa xé lấy bơm tiêm)/khay vô khuẩn.		
7	Bộc lộ vùng tiêm, xác định vị trí tiêm.		
8	Đặt gối kê tay dưới vùng tiêm (nếu cần), đặt dây ga rô/cao su, buộc dây ga rô/cao su phía trên vị trí tiêm 10-15 cm		
9	Mang găng tay cao su (nếu cần, không bắt buộc)		
10	Sát khuẩn sạch vùng tiêm từ trong ra ngoài theo hình xoáy ốc đường kính trên 10 cm, tối thiểu 2 lần		
11	- Cầm bơm tiêm kiểm tra đuổi khí (nếu còn khí) - Căng da, đâm kim chếch 300 so với mặt da và đẩy kim vào tĩnh mạch		
12	Kiểm tra có máu vào bơm tiêm, tháo dây cao su		
13	Bơm thuốc từ từ vào tĩnh mạch đồng thời quan sát theo dõi người bệnh, theo dõi vị trí tiêm có phồng không		
14	Hết thuốc rút kim nhanh, kéo chệch da nơi tiêm để bịt nơi tiêm.		

TT	Các bước thực hành	Có	Không
	Cho bơm, kim tiêm vào hộp an toàn		
15	Sát khuẩn lại vùng tiêm.		
16	Giúp người bệnh trở lại tư thế thoải mái, dặn người bệnh những điều cần thiết		
17	Thu dọn dụng cụ, thu gom chất thải, rửa tay thường quy		
18	Kiểm tra lần cuối liều lượng dịch truyền, an toàn của vị trí truyền, tốc độ truyền...		
19	Ghi ngày giờ thực hiện lên vị trí đặt catheter		
20	Ghi hồ sơ chăm sóc		

Đại diện khoa **Người giám sát**

BỆNH VIỆN ĐK HÒE NHAI
KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

GIÁM SÁT THỰC HÀNH PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN VM

Khoa:.....

Ngày đánh giá:..../...../.....

Người đánh giá:.....

Nội dung	Có	Không
1. **Chuẩn bị NB trước phẫu thuật**		
a. Xét nghiệm đường máu trước mọi PT		
b. Xét nghiệm albumin huyết thanh BN mổ phiên		
c. NB mổ phiên được tắm khử khuẩn trước PT		
d. NB được loại bỏ lông đúng quy định		
e. Chuẩn bị vùng rạch da đúng quy định		
2. Đánh giá nguy cơ nhiễm khuẩn		
a. Đánh giá tình trạng NB trước PT theo thang điểm ASA		
b. Thực hiện phân loại vết mổ		
c. Ghi thời gian phẫu thuật vào hồ sơ bệnh án		
3. Sử dụng kháng sinh dự phòng		
a. Sử dụng loại kháng sinh dự phòng thích hợp		
b. Sử dụng KSDP theo đường tĩnh mạch		
c. KSDP được dùng < 30 phút trước khi rạch da		
d. Không dùng KS > 3 ngày với PT sạch, sạch-nhiễm		
4. Thực hành kiểm soát NKVM tại khu vực PT		
a. NVYT tuân thủ quy định ra/vào khu phẫu thuật		
b. NVYT thực hiện đúng kỹ thuật rửa tay ngoại khoa		
c. Nước rửa tay ngoại khoa được khử khuẩn		
d. Dụng cụ, đồ vải, vật liệu cầm máu đảm bảo vô khuẩn		

Nội dung	Có	Không
5. Chăm sóc NB sau PT		
a. Không thay băng vết mổ sau PT từ 24-48h		
b. Chỉ thay băng khi băng thấm máu dịch hoặc khi mở kiểm tra vết mổ		
c. Thay băng đúng quy trình kỹ thuật		
d. Dẫn lưu vết mổ đúng quy định		
6. Giám sát		
a. Giám sát NKVM hàng năm		
b. Giám sát NVYT tuân thủ quy định/quy trình kiểm soát NKVM		
c. Giám sát vi sinh môi trường khu PT hàng năm		
d. Tổng kết và thông báo kết quả tới các đơn vị liên quan sau mỗi đợt giám sát		
a. Có biện pháp khắc phục các vấn đề tồn tại		
7. Vệ sinh môi trường		
a. Làm sạch và khử khuẩn sàn nhà, bàn mổ sau mỗi ca phẫu thuật và cuối mỗi ngày		
b. Tổng vệ sinh khu phẫu thuật hàng tuần đúng quy định		
c. Thu gom đồ vải, chất thải đúng quy định		
d. Đảm bảo thông khí buồng phẫu thuật		

Đại diện khoa **Người giám sát**